

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 07/2010/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 23 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định một số chế độ khen thưởng, khuyến khích
và xử lý vi phạm chính sách về dân số kế hoạch hoá gia đình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội về dân số; Nghị định 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh dân số;

Căn cứ Pháp lệnh 08/2008/PL-UBTVQH12 sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh 06/
2003/PL-UBTVQH11; Nghị định 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2009 của Hội đồng nhân dân
tỉnh phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đến
năm 2010 và định hướng đến năm 2015, tỉnh Thái Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chế độ khen
thưởng, khuyến khích và xử lý vi phạm chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình
trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay
thế Quyết định 84/QĐ-UB ngày 20/3/1991 của UBND tỉnh về việc cụ thể hóa Quyết
định 162-HĐBT ngày 18/10/1988 của Hội đồng bộ trưởng về một số chính sách dân
số và kế hoạch hóa gia đình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban,
ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên
quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
Nguyễn Hạnh Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ khen thưởng, khuyến khích và xử lý vi phạm
chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về một số chế độ chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm trong công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình (sau đây gọi tắt là DS-KHHGD) trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, cấp huyện, cấp xã, các thôn, tổ dân phố và công dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân) trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách DS-KHHGD

Thực hiện chính sách DS-KHHGD dựa trên cơ sở bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, phù hợp với quyền và lợi ích của các cặp vợ chồng, của cá nhân và từng gia đình với lợi ích của Nhà nước và xã hội, thực hiện mỗi cặp vợ chồng có 1 hoặc 2 con, xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

Điều 3. Thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản-kế hoạch hóa gia đình (SKSS-KHHGD)

1. Cặp vợ chồng, cá nhân có quyền lựa chọn và áp dụng các biện pháp chăm sóc SKSS-KHHGD thích hợp, góp phần nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần của bản thân và các thành viên trong gia đình, với việc tôn trọng lợi ích của nhà nước và cộng đồng xã hội.

2. Bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thực hiện các nghĩa vụ khác liên quan đến sức khỏe sinh sản.

Điều 4. Các hành vi nghiêm cấm theo quy định pháp luật về dân số

1. Cản trở, cưỡng bức, ép buộc vợ hoặc chồng và các thành viên khác trong gia đình thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

2. Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

3. Tuyên truyền phổ biến hoặc đưa ra nội dung trái với chính sách DS- KHHGD làm ảnh hưởng xấu đến công tác DS-KHHGD và đời sống xã hội.

Chương II **MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương

1. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn quy định, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước, quy chế, điều lệ hoặc các hương ước, quy ước phù hợp với quy định của pháp luật, đưa chính sách DS-KHHGD vào chương trình, kế hoạch hoạt động và tiêu chuẩn thi đua hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương.

2. Định kỳ kiểm tra kết quả thực hiện chính sách DS-KHHGD, gắn với kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để xét các danh hiệu, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn và cơ sở dịch vụ chăm sóc SKSS-KHHGD

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, giúp đỡ các cặp vợ chồng và từng cá nhân chủ động tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Tổ chức các dịch vụ chăm sóc SKSS-KHHGD an toàn, thuận lợi và có chất lượng đến tận người sử dụng. Theo dõi, giải quyết tác dụng phụ và tai biến xảy ra đối với người sử dụng.

Điều 7. Trách nhiệm của cặp vợ chồng

1. Mỗi cặp vợ chồng phải thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về DS-KHHGD, thực hiện quy mô gia đình ít con (sinh một hoặc hai con) và một số quy định cụ thể sau:

a) Cặp vợ chồng sinh lần thứ nhất mà sinh từ 02 con trở lên thì không được sinh lần thứ hai.

b) Cặp vợ chồng có từ 02 con trở lên, kể cả đã cho làm con nuôi thì không được sinh thêm.

c) Cặp vợ chồng đã ly hôn sau đó kết hôn lại với nhau (tái hôn) nếu có 01 con chung thì chỉ sinh thêm 01 lần sinh. Trong trường hợp đã có 02 con chung trở lên thì không được sinh thêm.

d) Những trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng có 01 hoặc 02 con trở lên, sau đó mới đăng ký kết hôn. Nếu có 01 con chung thì chỉ sinh thêm 01 lần sinh, nếu có 02 con chung trở lên thì không được sinh thêm.

2. Các quy định tại Khoản 1 Điều này áp dụng với cặp vợ chồng có con còn sống khoẻ mạnh, trừ các trường hợp quy định tại Điều 2 Nghị định 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh dân số năm 2003.

Chương III

CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 8. Chế độ khen thưởng

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trong năm không có người sinh con thứ ba trở lên là một tiêu chí đưa vào bình xét thi đua, xét công nhận “Đơn vị văn hóa”.

2. Đối với thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn

a) Đối với các thôn, tổ dân phố hàng năm không có người sinh con thứ ba được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Nếu đạt thành tích từ 3 năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên được đề nghị tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thành phố. Nếu đạt thành tích từ 05 năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên được đề nghị tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Đối với xã, phường, thị trấn trong năm không có người sinh con thứ ba trở lên được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đối với cá nhân

a) Cá nhân tiêu biểu có thành tích trong tuyên truyền vận động và tổ chức thực hiện công tác DS-KHHGD tại thôn, tổ dân phố trong 03 năm liên tục trở lên không có người sinh con thứ ba trở lên được đề nghị tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện; nếu có thành tích từ 05 năm liên tục không có người sinh con thứ ba trở lên thì được đề nghị tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Cá nhân tiêu biểu có thành tích trong tuyên truyền vận động và tổ chức thực hiện công tác DS-KHHGD ở xã, phường, thị trấn trong năm không có người sinh con thứ ba trở lên được đề nghị tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Chính sách khuyến khích

Ngoài các hình thức khen thưởng quy định tại Điều 8 của Quy định này, Chủ tịch UBND các cấp xem xét và thưởng cho các tập thể có thành tích trong công tác DS-KHHGD như sau:

1. Mức thưởng khuyến khích đối với tập thể không có người sinh con thứ 3 trở lên thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố.

a) Đối với cấp thôn:

- Thôn có 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được thưởng: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

b) Đối với tổ dân phố:

- Tổ dân phố có 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được thưởng: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

c) UBND tỉnh khuyến khích các huyện, thành phố ngoài quy định chung của tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương có chính sách thưởng khuyến khích thêm.

2. Mức thưởng khuyến khích đối với tập thể không có người sinh con thứ 3 trở lên thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh

a) Đối với thôn có 05 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được thưởng: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

b) Đối với tổ dân phố có 05 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên được thưởng: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

c) Đối với xã, phường, thị trấn:

Trong năm không có người sinh con thứ 3 trở lên được thưởng: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đối với xã, phường, thị trấn dưới 8.000 dân; thưởng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với xã, phường, thị trấn 8.000 dân trở lên.

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương trong năm không hoàn thành chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 thì năm đó không được bình xét thi đua, xét công nhận "Đơn vị văn hóa".

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương báo cáo sai kết quả thực hiện chính sách DS-KHHGD thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét kỷ luật từ khiển trách đến cảnh cáo và thu hồi Quyết định khen thưởng, các khoản tiền thưởng và khuyến khích (nếu có). Đồng thời không xét khen thưởng của 01 năm tiếp theo.

2. Đối với cá nhân

a) Cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang sinh con thứ ba trở lên thì bị xử lý theo quy định của Chính phủ, nếu là đảng viên còn bị xử lý kỷ luật theo Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15/10/2007 của Bộ Chính trị về xử lý đảng viên vi phạm, đồng thời còn phải thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của địa phương nơi cư trú.

b) Hội viên, đoàn viên người lao động trong các tổ chức, sinh con thứ 3 trở lên ngoài việc bị xử lý theo quy định của Chính phủ, quy chế, quy định, điều lệ của tổ chức, trong năm không được xét các danh hiệu thi đua và phải thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của địa phương nơi cư trú.

c) Các đối tượng khác sinh con thứ 3 trở lên bị xử lý theo quy định của Chính phủ và phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Hương ước, Quy ước của thôn, tổ dân phố, khu phố nơi cư trú, trong năm không được xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hoá".

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích thực hiện công tác DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh được trích từ quỹ khen thưởng hằng năm của UBND các cấp.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính, Sở Nội vụ, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc thực hiện chế độ khen thưởng, khuyến khích chính sách DS-KHHGD trong Quy định này.

2. Giao cho Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quy định này.

3. Đề nghị ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động các hội viên, đoàn viên, nhân dân và phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này

Trong quá trình thực hiện nếu thấy phát sinh những vấn đề mới, hoặc chưa phù hợp, yêu cầu kịp thời báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hạnh Phúc